


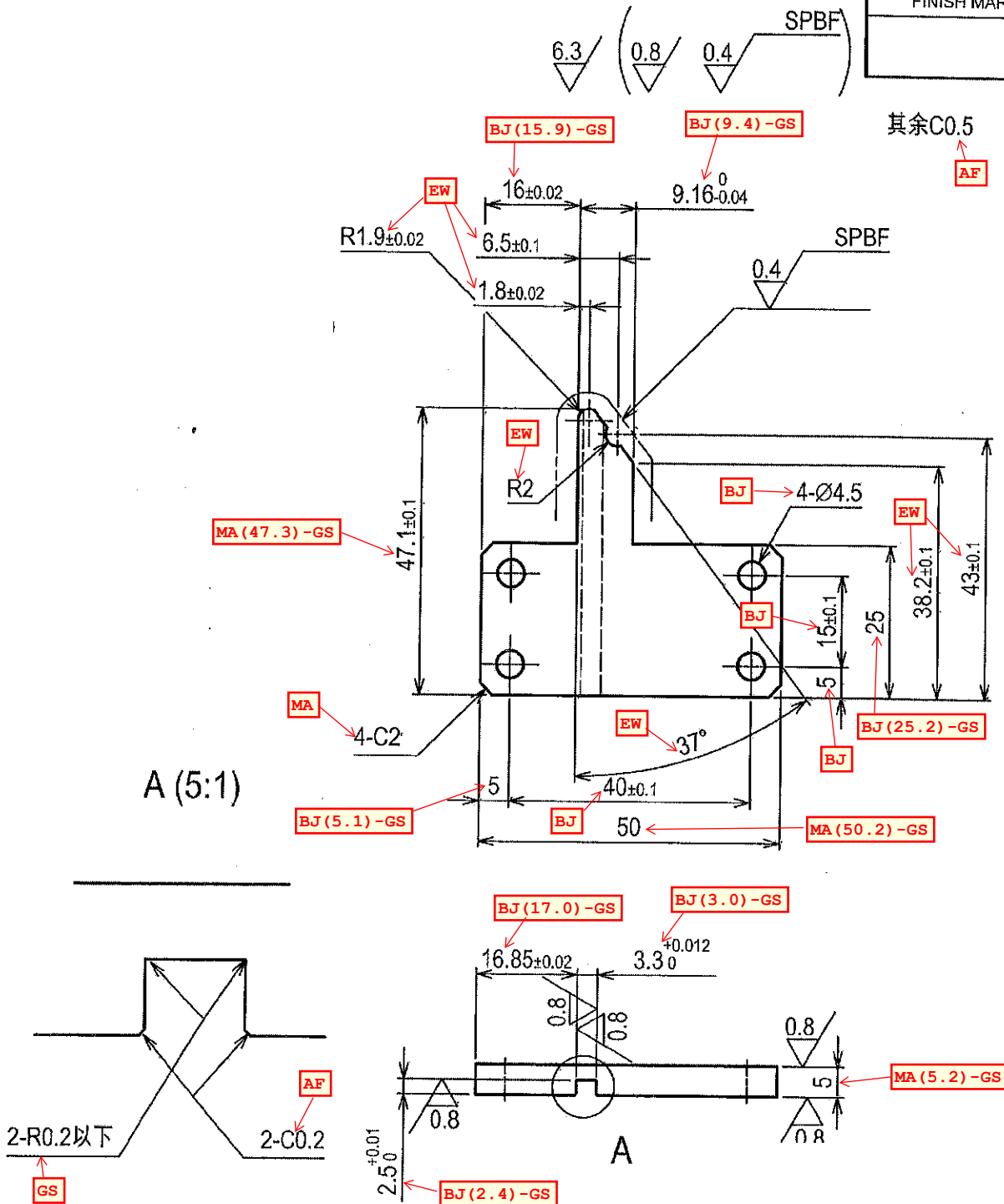
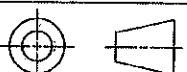


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2015/06/24	工程改善(A)书 (CT-VDM-14-055A) 对应, 新规设计	DDB-0482	Liu_Yong_An	Qiu_Jie_Cheng	$0.5 \leq, \leq 6$	± 0.1
						$6 <, \leq 30$	± 0.2
						$30 <, \leq 120$	± 0.3
						$120 <, \leq 400$	± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE	

TOLERANCES NOT OTHERWISE
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

FINISH MARKS



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Liu_Yong_An	Qiu_Jie_Cheng	部品図		案内
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		GUIDE
HRC 55°~ 58°	SOB	部品図		導件
		部品図		導件
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKS3	2015/06/24	1:1		R047223

SNO: **R047223**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 T6*55*53	AA:20 MA:30 BJ:40 HT:40 GS:120 EW:30 AF:15 AB:10 KT